



RSM DTL Auditing
Connected for Success

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC
ĐỒNG NAI
VÀ CÁC CÔNG TY CON**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

**Cho 06 tháng đầu năm tài chính kết thúc vào
ngày 30 tháng 06 năm 2015**



RSM DTL Auditing
Connected for Success

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC
ĐỒNG NAI
VÀ CÁC CÔNG TY CON**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

**Cho 06 tháng đầu năm tài chính kết thúc vào
ngày 30 tháng 06 năm 2015**



MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	01 - 02
Báo cáo kết quả công tác soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất	03 - 04
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được soát xét	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất ngày 30 tháng 06 năm 2015	05 - 06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho 06 tháng đầu năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2015	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho 06 tháng đầu năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2015	08 - 09
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	10 - 38
Phụ lục	39

02
CỔ
ĐƠN
KIẾ
D
T

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, P. Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai (dưới đây gọi tắt là "Công ty") hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã được soát xét của Công ty và các công ty con (dưới đây cùng với Công ty gọi chung là "Nhóm công ty") cho 06 tháng đầu năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2015.

1. CÁC THÔNG TIN CHUNG

Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trước đây là Công ty TNHH Một Thành Viên Cấp nước Đồng Nai, một doanh nghiệp Nhà nước. Ngày 05 tháng 09 năm 2014, Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Đồng Nai đã ban hành Quyết định số 2744/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa và chuyển Công ty TNHH Một Thành Viên Cấp nước Đồng Nai thành công ty cổ phần. Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai (DOWACO) chính thức đi vào hoạt động theo hình thức công ty cổ phần từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 3600259296 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp ngày 29 tháng 12 năm 2014.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại số 48 Cách Mạng Tháng Tám, Phường Quyết Thắng, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 1.000.000.000.000 VND.

Vốn pháp định theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 6.000.000.000 VND.

2. THÀNH VIÊN CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Họ tên	Chức danh
Ông Vũ Văn Học	Chủ tịch
Ông Phan Hùng	Thành viên
Ông Nguyễn Xuân Thịnh	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Bình	Thành viên
Ông Lê Duy Diệp	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Thiện	Thành viên
Ông Võ Văn Bình	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Họ tên	Chức danh
Ông Nguyễn Tấn Dũng	Trưởng ban
Bà Phạm Thị Hồng	Thành viên
Bà Tăng Tố Văn	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Họ tên	Chức danh
Ông Phan Hùng	Giám đốc
Ông Lê Duy Diệp	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Bình	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Xuân Thịnh	Phó Giám đốc
Bà Mai Ngọc Thu	Phó Giám đốc

3. TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Nhóm công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, P. Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Nhóm công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Giám đốc Nhóm công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính hợp nhất được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc Nhóm công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Nhóm công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Giám đốc Nhóm công ty xác nhận rằng Nhóm công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

4. KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán DTL, thành viên của RSM Quốc tế, bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định soát xét và kiểm toán báo cáo tài chính cho các năm tài chính tiếp theo của Nhóm công ty.

5. CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Nhóm công ty công bố rằng, ngoại trừ các vấn đề được nêu trong Báo cáo soát xét kèm theo, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm công ty vào ngày 30 tháng 06 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Đồng Nai, ngày 28 tháng 08 năm 2015

Thay mặt Ban Giám đốc

GIÁM ĐỐC



PHAN HÙNG



Số: 16.109/BCSXHN-DTL

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Các Cổ đông
Các thành viên Hội đồng Quản trị
Các thành viên Ban Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai (dưới đây gọi tắt là "Công ty") và các công ty con (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là "Nhóm công ty"), được lập ngày 28 tháng 08 năm 2015 từ trang 06 đến trang 39, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 06 năm 2015, Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho 06 tháng đầu năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Giám đốc Nhóm công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Tuy nhiên, ý kiến của chúng tôi bị giới hạn bởi các vấn đề sau:

Giám đốc của đơn vị đã thông báo cho chúng tôi là một khoản Vay dài hạn có gốc ngoại tệ đang được phản ánh trên Bảng Cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2015 với giá trị là 1.161 tỷ đồng, chưa được đánh giá lại theo tỷ giá tại thời điểm 30 tháng 06 năm 2015. Theo đánh giá của Giám đốc và kiểm tra của chúng tôi, nếu khoản vay nêu trên được đánh giá lại theo tỷ giá tại thời điểm 30 tháng 06 năm 2015 thì giá trị khoản vay sẽ giảm thêm 60,6 tỷ đồng, chỉ tiêu "Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế" trên Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất sẽ tăng thêm 60,6 tỷ đồng.

Ngoài ra, khoản mục Nguyên giá Tài sản cố định hữu hình đang được phản ánh trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 06 năm 2015 chưa bao gồm giá trị tài sản của "Dự án Nhon Trạch giai đoạn I" đã được đưa vào sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2014. Theo đánh giá của Giám đốc và kiểm tra của chúng tôi, nếu giá trị tài sản của dự án này được ghi nhận thì khoản mục Nguyên giá Tài sản cố định hữu hình sẽ làm tăng thêm 1.078,9 tỷ đồng. Đồng thời, khoản mục "Giá trị hao mòn lũy kế" sẽ tăng thêm tương ứng là 10,7 tỷ đồng, chỉ tiêu "Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế" trên Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất sẽ giảm xuống 10,7 tỷ đồng.

Tổng hợp ảnh hưởng của hai vấn đề trên sẽ làm cho chỉ tiêu "Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế" trên Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất sẽ tăng thêm 49,8 tỷ đồng.

(Phần tiếp theo trang 04)



Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề như mô tả ở đoạn trên, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 08 năm 2015

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DTL
KI-TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



LUC THỊ VÂN

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số:0172-2013-026-1

KIỂM TOÁN VIÊN

NGUYỄN CHÁNH THÀNH

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số:0544-2013-026-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		294.401.632.279	405.370.055.183
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	136.319.234.009	234.706.376.708
1. Tiền	111		44.102.713.536	160.855.705.919
2. Các khoản tương đương tiền	112		92.216.520.473	73.850.670.789
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		106.633.784.339	98.296.748.292
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	87.456.444.185	82.938.372.398
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		16.330.989.608	10.084.474.987
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	5.189.300.772	7.616.851.133
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.3	(2.342.950.226)	(2.342.950.226)
IV. Hàng tồn kho	140		39.507.416.052	46.360.731.116
1. Hàng tồn kho	141	5.6	39.507.416.052	46.360.731.116
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		11.941.197.879	26.006.199.067
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		5.263.372.456	9.321.278.457
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.14	5.161.604.729	15.251.048.838
3. Tài sản ngắn hạn khác	155		1.516.220.694	1.433.871.772
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2.716.694.735.428	2.644.228.548.890
II. Tài sản cố định	220		1.493.745.694.213	1.566.177.525.321
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	1.469.094.275.246	1.541.129.721.725
- Nguyên giá	222		2.605.760.316.318	2.580.983.901.104
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.136.666.041.072)	(1.039.854.179.379)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.9	24.651.418.967	25.047.803.596
- Nguyên giá	228		27.055.949.338	26.915.949.338
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.404.530.371)	(1.868.145.742)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		1.205.376.188.465	1.058.861.132.339
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.7	1.205.376.188.465	1.058.861.132.339
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		14.535.999.943	13.524.124.780
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	5.2	11.466.277.453	10.454.402.290
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	5.2	3.069.722.490	3.069.722.490
VI. Tài sản dài hạn khác	260		3.036.852.807	5.665.766.450
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.10	2.128.513.291	4.645.299.554
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	5.11	908.339.516	1.020.466.896
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		3.011.096.367.707	3.049.598.604.073

(Phần tiếp theo trang 06)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		1.757.810.559.443	1.838.241.150.113
I. Nợ ngắn hạn	310		374.257.184.723	910.531.162.904
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.13	25.712.541.440	42.375.709.055
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.115.331.636	4.014.188.672
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.14	10.364.746.758	33.344.798.014
4. Phải trả người lao động	314		9.897.105.410	7.089.359.993
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	5.116.252.085
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.15	15.543.141.085	467.285.003.391
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.12	293.331.672.475	331.720.167.579
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		18.292.645.919	19.585.684.115
II. Nợ dài hạn	330		1.383.553.374.720	927.709.987.209
1. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		8.102.969.693	-
2. Phải trả dài hạn khác	337	5.15	45.161.117.691	49.464.715.262
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.12	1.330.289.287.336	878.245.271.947
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.253.285.808.264	1.211.357.453.960
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.16.1	1.252.564.337.523	1.210.484.088.150
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	5.16.2	1.000.000.000.000	1.000.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.000.000.000.000	1.000.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		18.240.361.167	18.240.479.075
3. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		(64.235.766.100)	(64.235.766.100)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		36.030.009.579	34.423.416.050
5. Lợi nhuận chưa phân phối	421		167.444.089.384	129.748.298.034
- Lợi nhuận chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		125.180.003.946	129.748.298.034
- Lợi nhuận chưa phân phối kỳ này	421b		42.264.085.438	-
6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		95.085.643.493	92.307.661.091
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		721.470.741	873.365.810
1. Nguồn kinh phí	431		721.470.741	873.365.810
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		3.011.096.367.707	3.049.598.604.073

Đồng Nai, ngày 28 tháng 08 năm 2015

NGƯỜI LẬP BIỂU



NGUYỄN THỊ THANH TÂM

KẾ TOÁN TRƯỞNG



NGUYỄN THU OANH



PHAN HÙNG

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, P. Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Mẫu số B 02 - DN/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho 06 tháng đầu năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2015.

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	410.355.999.232	288.361.344.788
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.2	44.281.285	13.847.836
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		410.311.717.947	288.347.496.952
4. Giá vốn hàng bán	11	6.3	269.053.457.577	200.344.354.895
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		141.258.260.370	88.003.142.057
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.4	1.891.811.341	3.118.592.162
7. Chi phí tài chính	22	6.5	19.590.814.035	14.931.485.258
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		19.590.814.035	14.931.485.258
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		2.217.875.163	813.501.736
9. Chi phí bán hàng	25	6.6	31.110.946.519	22.307.910.858
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.7	25.502.178.314	21.058.320.738
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		69.164.008.006	33.637.519.101
12. Thu nhập khác	31		71.854.812	168.274.195
13. Chi phí khác	32		491.521.944	1.097.528.766
14. Lợi nhuận khác	40		(419.667.132)	(929.254.571)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		68.744.340.874	32.708.264.530
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.8	14.536.895.075	6.927.919.927
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		112.127.380	127.334.052
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		54.095.318.419	25.653.010.551
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		42.264.085.438	16.011.420.192
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		11.831.232.981	9.641.590.359
21. Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu	70	5.16.4	380	144

Đồng Nai, ngày 28 tháng 08 năm 2015

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC





NGUYỄN THỊ THANH TÂM

NGUYỄN THU OANH

PHAN HÙNG

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, P. Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Mẫu số B 03 - DN/HN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho 06 tháng đầu năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2015.

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Kỳ này	Kỳ trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		68.744.340.874	32.708.264.530
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ và BDSĐT	02		90.414.689.541	75.169.675.508
Các khoản dự phòng	03		-	(786.009.409)
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(4.109.686.504)	(3.932.093.898)
Chi phí lãi vay	06		19.590.814.035	14.931.485.258
Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		174.640.157.946	118.091.321.989
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		21.889.522.994	39.239.244.387
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		1.107.950.264	(958.991.437)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(625.655.538.316)	10.581.868.858
Tăng giảm chi phí trả trước	12		2.516.786.263	(271.215.192)
Tăng giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
Tiền lãi vay đã trả	14		(19.590.814.035)	(14.931.485.258)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(34.219.902.953)	(7.521.656.099)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		929.619.451	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(1.348.869.160)	(238.528.600)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(479.731.087.546)	143.990.558.648
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(28.248.003.216)	(176.439.191.038)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.039.033.563	2.116.301.988
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(26.208.969.653)	(174.322.889.050)

(Phần tiếp theo trang 09)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho 06 tháng đầu năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2015.

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Kỳ này	Kỳ trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	24.196.077.804
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	7.1	994.952.374.961	242.043.332.883
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	7.2	(581.657.152.176)	(273.877.126.129)
5. Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho sở hữu	36		(5.742.308.285)	(3.848.357.260)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		407.552.914.500	(11.486.072.702)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		(98.387.142.699)	(41.818.403.104)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		234.706.376.708	112.010.300.295
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		136.319.234.009	70.191.897.191

Đồng Nai, ngày 28 tháng 08 năm 2015

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC





NGUYỄN THỊ THANH TÂM

NGUYỄN THU OANH

PHAN HÙNG

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, P. Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Mẫu số B 09 – DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho 06 tháng đầu năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2015

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trước đây là Công ty TNHH Một Thành Viên Cấp nước Đồng Nai, một doanh nghiệp Nhà nước. Ngày 05 tháng 09 năm 2014, Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Đồng Nai đã ban hành Quyết định số 2744/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa và chuyển Công ty TNHH Một Thành Viên Cấp Nước Đồng Nai thành công ty cổ phần. Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai (DOWACO) chính thức đi vào hoạt động theo hình thức công ty cổ phần từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 3600259296 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp ngày 29 tháng 12 năm 2014.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Số 48 Cách Mạng Tháng Tám, Phường Quyết Thắng, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 1.000.000.000.000 VND, được chi tiết như sau:

Nhà đầu tư	Cuối kỳ		Nghìn đồng Đầu năm	
	Giá trị	Tỷ lệ	Giá trị	Tỷ lệ
Tổng Công ty Phát Triển Khu Công nghiệp	639.891.000	63,99%	639.891.000	63,99%
Các nhà đầu tư khác	360.109.000	36,01%	360.109.000	36,01%
Cộng	1.000.000.000	100%	1.000.000.000	100%

Vốn pháp định theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 6.000.000.000 VND.

Công ty có đầu tư vào 02 công ty con như được trình bày tại mục 1.5 dưới đây (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là "Nhóm công ty").

Các đơn vị trực thuộc tính đến 30 tháng 06 năm 2015 gồm:

Tên đơn vị trực thuộc	Địa chỉ
Chi nhánh Quản lý ghi thu	Số 48 Cách Mạng Tháng Tám, Phường Quyết Thắng, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai
Chi nhánh cấp nước Tân Định	Thị trấn Định Quán, Huyện Định Quán, Tỉnh Đồng Nai
Chi nhánh cấp nước Thiện Tân	Xã Thiện Tân, Huyện Vĩnh Cửu, Tỉnh Đồng Nai
Chi nhánh cấp nước Xuân Lộc	Thị trấn Gia Ray, Huyện Xuân Lộc, Tỉnh Đồng Nai
Chi nhánh cấp nước Nhơn Trạch	Xã Thiện Tân, Huyện Vĩnh Cửu, Tỉnh Đồng Nai
Chi nhánh cấp nước Vĩnh An	Thị trấn Vĩnh An, Huyện Vĩnh Cửu, Tỉnh Đồng Nai
Chi nhánh cấp nước Long Bình	Phường Long Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai
Chi nhánh cấp nước Biên Hòa	Phường Quyết Thắng, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai
Chi nhánh Quản lý các dự án cấp nước Đồng Nai	Xã Hóa An, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai
Chi nhánh Khách sạn Công Đoàn	Số 128/21 Hoàng Hoa Thám, Phường 2, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Nhóm công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2015 là 1.067 (31/12/2014: 1.039).

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, P. Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Khai thác nước sạch.

1.3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh chính của Nhóm công ty là:

- Khai thác, xử lý và cung cấp nước: Khai thác, lọc nước phục vụ sinh hoạt đô thị và công nghiệp, phân phối nước sạch.
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại: Sản xuất các sản phẩm cơ khí chuyên ngành nước.
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày: Kinh doanh khách sạn.
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng: Kinh doanh vật tư thiết bị phụ kiện chuyên ngành nước.
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan: Thiết kế công trình cấp nước, thiết kế hệ thống cấp nước cho công trình, thiết kế công trình thoát nước. Khảo sát, giám sát thi công, thẩm tra các công trình cấp nước.
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí: Lắp đặt hệ thống cấp nước, thoát nước.
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng: Sản xuất nước tinh khiết đóng chai.
- Xây dựng công trình công ích: Xây dựng các công trình cấp thoát nước.
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật: Kiểm định đồng hồ đo nước từ 15mm đến 100mm.

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Nhóm công ty là 12 tháng.

1.5. Số lượng các công ty con được hợp nhất

Các công ty con trực tiếp

<u>STT</u>	<u>Tên công ty con</u>	<u>Địa chỉ trụ sở chính</u>	<u>Quyền biểu quyết của công ty mẹ</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ</u>
1.	Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch	Khu Công nghiệp Nhơn Trạch, số 319B, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai	52,44%	52,44%
2.	Công ty Cổ phần Cấp nước Long Khánh	Số 02 Bis, Cách Mạng Tháng Tám, Phường Xuân Bình, Thị xã Long Khánh, Tỉnh Đồng Nai	51,00%	51,00%

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, P. Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

1.6. Danh sách các công ty liên kết quan trọng được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

<u>STT</u>	<u>Tên công ty liên kết</u>	<u>Địa chỉ trụ sở chính</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết</u>	<u>Tỷ lệ phần sở hữu</u>
1.	Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai	Số 52 Cách Mạng Tháng Tám, Phường Quyết Thắng, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai	36%	36%
2.	Công ty Cổ phần Cấp nước Hồ Cầu Mới	Số 48 Cách Mạng Tháng Tám, Phường Quyết Thắng, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai	36%	36%

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1. Năm tài chính

Năm tài chính của Nhóm công ty bắt đầu từ ngày 01/01 đến ngày 31/12.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Nhóm công ty áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

3.2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam

Nhóm công ty tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất cho 06 tháng đầu năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2015. Trong kỳ, Nhóm công ty đã áp dụng các hướng dẫn kế toán mới của Bộ Tài chính như được trình bày tại mục 4.2 dưới đây.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG

4.1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

- Tỷ giá áp dụng trong kế toán là tỷ giá của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam.
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam.

4.2. Áp dụng các Hướng dẫn kế toán mới

Năm 2015 là năm đầu tiên Nhóm công ty áp dụng Chế độ kế toán Việt Nam sửa đổi theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính (TT200).

TT200 yêu cầu trình bày lại thông tin so sánh trên báo cáo tài chính năm 2015 đối với các chỉ tiêu có sự thay đổi giữa TT200 và Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ Tài chính. Do đó, Nhóm công ty đã thực hiện việc trình bày lại một số thông tin sánh trên báo cáo tài chính năm 2015 để phù hợp với việc trình bày các số liệu của năm hiện hành như đã nêu tại mục 4.26.

4.3. Thay đổi chính sách kế toán

Các chính sách kế toán của Nhóm công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính cho năm tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, P. Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014, ngoại trừ những thay đổi do áp dụng hướng dẫn kế toán mới như được nêu tại mục 4.2.

4.4. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 30 tháng 06 năm 2015 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho 06 tháng đầu năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2015. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.5. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh hợp nhất trong kỳ.

4.6. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao.

Các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro trong việc chuyển thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán "Báo cáo lưu chuyển tiền tệ"

4.7. Nợ phải thu

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản nợ phải thu được phân loại là phải thu khách hàng và phải thu khác theo nguyên tắc là: Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ các giao dịch mua bán; Các khoản phải thu còn lại được phân loại là phải thu khác.

Các khoản nợ phải thu được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Các khoản nợ phải thu thỏa mãn định nghĩa là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế cuối kỳ.

Nợ phải thu chỉ được ghi nhận tới mức có thể thu hồi.

Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

4.8. Hàng tồn kho

Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua. Khi mua hàng tồn kho nếu được nhận kèm thêm sản phẩm, hàng hóa, thiết bị, phụ tùng thay thế (phòng ngừa trường hợp hỏng hóc) thì xác định và ghi nhận riêng sản phẩm, phụ tùng thiết bị thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi chi phí mua của hàng tồn kho.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

4.9. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước là khoản chi phí trả trước dài hạn trên bảng Cân đối kế toán hợp nhất và chủ yếu là chi phí liên quan đến chi phí đánh giá lại tài sản cố phần hóa, chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng kho còn phải phân bổ. Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoản thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.10. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và thuế trước bạ (nếu có).

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

+ Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 25 năm
+ Máy móc thiết bị	5 - 20 năm
+ Phương tiện vận tải truyền dẫn	5 - 20 năm
+ Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 10 năm
+ Tài sản cố định khác	10 năm

4.11. Tài sản cố định vô hình

Ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế là các giá trị quyền sử dụng diện tích đất. Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất. Thời gian khấu hao của lô đất từ 20 đến 46 năm.

Chi phí quy hoạch bản đồ

Chi phí quy hoạch bản đồ tỉnh Đồng Nai đến năm 2010 và định hướng phát triển đến năm 2020 được ghi nhận là tài sản cố định vô hình. Chi phí quy hoạch bản đồ được khấu hao trong 04 năm.

Phần mềm máy vi tính

Phần mềm máy vi tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích.

4.12. Chi phí xây dựng dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Nhóm công ty.

Các chi phí này sẽ được chuyển sang là nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về giá trị các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

4.13. Chi phí đi vay

Nguyên tắc vốn hóa chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh.

Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

4.14. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác

Đầu tư vào công ty liên kết

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, P. Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư vào công ty liên kết khi Nhóm công ty nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của bên nhận đầu tư mà không có thỏa thuận khác.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư vào công ty liên kết ban đầu được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh. Sau đó, giá trị của khoản đầu tư được điều chỉnh tăng giảm tương ứng với phần sở hữu của Nhóm công ty trong lãi lỗ của công ty liên kết sau ngày mua.

Các khoản phân phối từ công ty liên kết sau ngày mua được ghi giảm giá trị của khoản đầu tư

Đầu tư khác

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư khác là các khoản đầu tư ngoài các khoản đầu tư vào công ty con, đầu tư vào công ty liên doanh, và đầu tư vào công ty liên kết.

Các khoản đầu tư khác được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua cộng (+) các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính theo giá trị hợp lý tại ngày được quyền nhận.

4.15. Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán, phải trả nội bộ và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Phải trả nội bộ là các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Các khoản nợ phải trả thỏa mãn định nghĩa là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá hối đoái cuối kỳ.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

4.16. Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009, Nhóm công ty và các nhân viên phải đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, Công ty không phải lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của nhân viên sau ngày 01 tháng 01 năm 2009. Ngoài ra, theo quy định tại Thông tư 180/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính, kể từ năm tài chính 2012, Công ty đã không trích dự phòng trợ cấp mất việc theo quy định tại Thông tư 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 08 năm 2003 của Bộ Tài chính và số dư của khoản dự phòng này (nếu có) đã được tất toán trong năm 2012.

4.17. Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, P. Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo phần chênh lệch giữa giá trị tài sản, nợ phải trả được chuyển thành vốn lớn hơn giá trị phần vốn được tính là vốn góp của chủ sở hữu.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

Quỹ dự trữ

Các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập theo quy định trong Điều lệ của các công ty trong Nhóm công ty.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được phân phối cho các cổ đông sau khi được Đại hội cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của các công ty trong Nhóm công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

4.18. Doanh thu và thu nhập khác

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất của kỳ đó.

Lãi tiền gửi

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Thu nhập đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết.

Kết quả kinh doanh của công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất tương ứng với tỷ lệ sở hữu của Nhóm công ty trong công ty liên doanh liên kết.

4.19. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu là hàng bán bị trả lại.

Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh; Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo; Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau và sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh khoản giảm trừ.

4.20. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, P. Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

4.21. Chi phí tài chính

Chi phí lãi vay kể cả số trích trước và lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái của kỳ báo cáo được ghi nhận đầy đủ trong báo cáo tài chính.

4.22. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp ghi nhận đầy đủ các chi phí phát sinh trong kỳ.

4.23. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hợp nhất sau thuế của Nhóm công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Nhóm công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

4.24. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong kỳ hiện hành là 22%.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Nhóm công ty cung cấp được tính theo các mức thuế như sau:

- Dịch vụ cung cấp nước: 5%
- Dịch vụ lắp đặt: 10%

Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

4.25. Nguyên tắc và phương pháp lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất là báo cáo tài chính của Nhóm công ty mà trong đó tài sản, nợ, nguồn vốn, doanh thu, chi phí và dòng tiền của công ty mẹ và các công ty con được trình bày như một doanh nghiệp độc lập không tính đến ranh giới pháp lý của các công ty riêng biệt. Các báo cáo tài chính của các công ty con đã được lập cho cùng năm tài chính với công ty mẹ theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của công ty mẹ. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa các công ty con và công ty mẹ.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, P. Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Phương pháp ghi nhận lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong thu nhập thuần và tài sản thuần của công ty con được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Phương pháp loại trừ giao dịch nội bộ

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ hoàn toàn khi hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện cũng được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trừ trường hợp chi phí gây ra khoản lỗ đó không thể thu hồi.

4.26. Số liệu so sánh

Như trình bày tại mục 4.2, từ năm 2015, Nhóm công ty đã áp dụng Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Do ảnh hưởng của việc áp dụng các hướng dẫn trong thông tư này nên để bảo đảm tính so sánh của các số liệu, một vài số liệu của bảng cân đối kế toán hợp nhất ngày 31/12/2014, báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2014 đã được điều chỉnh lại, cụ thể như sau:

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (Trích)

	Đầu năm (Được báo cáo lại)	VND Đầu năm (Đã được báo cáo trước đây)
Tài sản		
Phải thu khác	7.616.851.133	7.036.406.836
Tài sản ngắn hạn khác	1.433.871.772	2.014.316.069
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	1.020.466.896	1.249.599.560
Cộng	10.071.189.801	10.300.322.465
Nguồn vốn		
Vay và nợ ngắn hạn	-	187.693.867.048
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	331.720.167.579	-
Vay và nợ dài hạn	-	1.022.271.572.478
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	878.245.271.947	-
Phải trả ngắn hạn khác	467.285.003.391	99.589.359.729
Phải trả dài hạn khác	49.464.715.262	417.160.358.924
Quỹ dự phòng tài chính	-	3.094.017.958
Quỹ đầu tư phát triển	34.423.416.050	31.329.398.092
Lợi nhuận chưa phân phối	129.748.298.034	129.977.430.698
Cộng	1.890.886.872.263	1.891.116.004.927

(Phần tiếp theo trang 20)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, P. Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Việc báo cáo lại các thông tin so sánh nêu trên là do có sự thay đổi giữa TT200 và các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo QĐ15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

Tên chi tiêu	TT 200	VND CMKT & Chế độ kế toán doanh nghiệp theo QĐ15/2006/QĐ- BTC
Tài sản		
Phải thu khác	7.616.851.133	7.036.406.836
Tài sản ngắn hạn khác	1.433.871.772	2.014.316.069
Cộng	9.050.722.905	9.050.722.905
Nguồn vốn		
Vay và nợ ngắn hạn	-	187.693.867.048
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	331.720.167.579	-
Vay và nợ dài hạn	-	1.022.271.572.478
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	878.245.271.947	-
Phải trả ngắn hạn khác	467.285.003.391	99.589.359.729
Phải trả dài hạn khác	49.464.715.262	417.160.358.924
Quỹ dự phòng tài chính		3.094.017.958
Quỹ đầu tư phát triển	34.423.416.050	31.329.398.092
Cộng	1.761.138.574.229	1.761.138.574.229

4.27. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Cuối kỳ	VND Đầu năm
Tiền mặt	370.853.946	262.871.880
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	43.731.859.590	160.592.834.039
Các khoản tương đương tiền	92.216.520.473	73.850.670.789
Cộng	136.319.234.009	234.706.376.708

(Phần tiếp theo trang 21)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, P. Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

5.2. Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư tài chính được chi tiết như sau:

	Cuối kỳ		Đầu năm		VND	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá trị ghi sổ		Dự phòng
Đầu tư vào công ty liên kết						
Công ty Cổ phần Dịch Vụ và Cấp Nước Đồng Nai	9.656.594.186	-	9.656.594.186	8.616.434.630	-	8.616.434.630 (a)
Công ty Cổ phần Cấp Nước Hồ Cầu Mới	1.809.683.267	-	1.809.683.267	1.837.967.660	-	1.837.967.660 (b)
Cộng	11.466.277.453	-	11.466.277.453	10.454.402.290	-	10.454.402.290
Đầu tư vào đơn vị khác						
Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức	1.039.722.490	-	1.039.722.490	1.039.722.490	-	1.039.722.490
Công ty Cổ phần Dịch Vụ Sonadezi	2.030.000.000	-	2.030.000.000	2.030.000.000	-	2.030.000.000
Cộng	3.069.722.490	-	3.069.722.490	3.069.722.490	-	3.069.722.490

(a) Khoản đầu tư này chiếm 36% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Dịch Vụ và Cấp Nước Đồng Nai, một công ty thành lập và hoạt động tại Việt Nam. Hoạt động chính của Công ty Cổ phần Dịch Vụ và Cấp Nước Đồng Nai là: khai thác nước phục vụ công nghiệp. Khai thác, lọc nước phục vụ sinh hoạt đô thị và công nghiệp, phân phối nước sạch; lắp đặt ống cấp nước, thoát nước, bơm; xây dựng công trình đường ống cấp thoát nước, trạm bơm; xây dựng công trình công nghiệp, dân dụng.

(b) Khoản đầu tư này chiếm 36% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Cấp Nước Hồ Cầu Mới, một công ty thành lập và hoạt động tại Việt Nam. Hoạt động chính của Công ty Cổ phần Cấp Nước Hồ Cầu Mới là: Khai thác, lọc và phân phối nước; khai thác, lọc nước phục vụ sinh hoạt đô thị và công nghiệp, phân phối nước sạch; sản xuất nước uống tinh khiết; xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện, cấp thoát nước; lắp đặt hệ thống bơm, ống nước; mua bán máy móc, thiết bị, phụ kiện ngành nước; sản xuất các sản phẩm cơ khí ngành nước. Đến thời điểm 30/06/2015, Công ty chưa đi vào hoạt động ổn định.

(Phần tiếp theo trang 22)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, P. Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

5.3. Phải thu của khách hàng

	VND			
	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu của khách hàng ngắn hạn				
Hoạt động cung cấp nước	76.461.034.938	-	72.494.890.899	-
Hoạt động cung cấp dịch vụ lắp đặt	10.995.409.247	2.342.950.226	10.443.481.499	2.342.950.226
Cộng	87.456.444.185	2.342.950.226	82.938.372.398	2.342.950.226

5.4. Phải thu khác

	VND			
	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn				
Phải thu tài sản trên đất của Công ty Cổ phần Cao su Màu Đồng Nai	1.753.316.818	-	1.753.316.818	-
Phải thu tiền tạm ứng cho cán bộ, công nhân viên	1.790.343.316	-	2.183.974.096	-
Phải thu Ngân sách tiền công trình di dời cầu bơm Xí nghiệp nước Biên Hòa	596.199.500	-	934.644.000	-
Tạm ứng bồi thường cho các hộ dân thuộc dự án cấp nước Nhơn Trạch	159.405.000	-	571.163.825	-
Phải thu khác	890.036.138	-	2.173.752.394	-
Cộng	5.189.300.772	-	7.616.851.133	-

5.5. Nợ xấu

	VND					
	Cuối kỳ			Đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
Công ty TNHH Vạn Phúc	2.271.119.074	-	Trên 03 năm	2.271.119.074	-	Trên 03 năm
Khách hàng khác	71.831.152	-	Trên 03 năm	71.831.152	-	Trên 03 năm
Cộng	2.342.950.226	-		2.342.950.226	-	

5.6. Hàng tồn kho

	VND			
	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	38.649.487.911	-	45.252.166.905	-
Công cụ, dụng cụ	279.146.731	-	685.909.187	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	554.409.016	-	392.245.646	-
Thành phẩm	24.372.394	-	30.409.378	-
Cộng	39.507.416.052	-	46.360.731.116	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, P. Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

5.7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Cuối kỳ	VND Đầu năm
Dự án cấp nước Nhơn Trạch	1.080.543.007.191	963.824.140.834
Hệ thống cấp nước Xã Long Hưng, TP. Biên Hòa giai đoạn 2 - 20.400m ³ /ngày	26.129.241.789	21.694.551.516
Dự án cấp nước Thiện Tân giai đoạn 2	17.241.623.652	15.029.319.371
Hệ thống cấp nước Phường Bửu Hòa	19.388.339.935	18.566.727.343
Hệ thống cấp nước Thị trấn Trảng Bom	10.204.153.687	10.204.153.687
Tuyến ống cấp nước VO Khu công nghiệp Loteco	8.088.416.939	5.998.519.464
Hệ thống cấp nước Trường Sỹ Quan Lục Quân 2	7.479.162.132	-
Hệ thống cấp nước Phường Trảng Dài	7.011.232.638	4.436.778.543
Tuyến ống cấp nước khu vực Ấp Ông Hường Xã Thiện Tân	5.031.745.455	-
Tuyến ống chuyển tải HDPE D300 Gia Ray	4.714.140.909	-
Hệ thống cấp nước Thị trấn Tân Phú	3.214.767.823	2.835.676.811
Công trình Hệ thống cấp nước Khu Công Nghiệp Nhơn Trạch công suất 2.500m ³ /ngày	2.092.637.524	-
Thay thế 3 máy bơm Xí nghiệp nước Long Bình	2.014.590.000	-
Dự án khác	12.223.128.791	16.271.264.770
Cộng	<u>1.205.376.188.465</u>	<u>1.058.861.132.339</u>

(Phần tiếp theo trang 24)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, P. Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

5.8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục						VND
	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá:						
Số dư đầu năm	506.094.642.211	641.782.045.310	1.410.198.435.935	19.933.114.804	2.975.662.844	2.580.983.901.104
Mua trong kỳ	1.095.199.000	7.114.056.074	37.400.000	195.357.678	-	8.442.012.752
Đầu tư XDCB hoàn thành	432.143.769	-	15.922.997.841	-	-	16.355.141.610
Tăng khác	-	-	27.676.952	-	-	27.676.952
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(48.416.100)	-	(48.416.100)
Số dư cuối kỳ	507.621.984.980	648.896.101.384	1.426.186.510.728	20.080.056.382	2.975.662.844	2.605.760.316.318
Giá trị hao mòn lũy kế:						
Số dư đầu năm	212.535.632.119	248.986.917.139	569.711.596.705	6.584.574.413	2.035.459.003	1.039.854.179.379
Khấu hao trong kỳ	24.426.385.882	28.953.217.160	35.354.688.158	957.780.454	153.799.809	89.845.871.462
Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	7.014.406.331	-	-	7.014.406.331
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(48.416.100)	-	(48.416.100)
Số dư cuối kỳ	236.962.018.001	277.940.134.299	612.080.691.194	7.493.938.767	2.189.258.812	1.136.666.041.072
Giá trị còn lại:						
Tại ngày đầu năm	293.559.010.092	392.795.128.171	840.486.839.230	13.348.540.391	940.203.841	1.541.129.721.725
Tại ngày cuối kỳ	270.659.966.979	370.955.967.086	814.105.819.535	12.586.117.615	786.404.032	1.469.094.275.246

Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay là 1.139.701.383.021 đồng – Xem thêm mục 5.12.

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 36.285.038.251 đồng.

(Phần tiếp theo trang 25)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, P. Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

5.9. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Quy hoạch bản đồ	Phần mềm máy vi tính	TSCĐ vô hình khác	VND
					Tổng cộng
Nguyên giá:					
Số dư đầu năm	23.560.058.223	2.814.843.027	431.048.088	110.000.000	26.915.949.338
Mua trong kỳ	-	-	140.000.000	-	140.000.000
Số dư cuối kỳ	23.560.058.223	2.814.843.027	571.048.088	110.000.000	27.055.949.338
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Số dư đầu năm	239.188.694	1.338.742.293	281.048.088	9.166.667	1.868.145.742
Khấu hao trong kỳ	271.960.861	192.534.878	66.388.889	5.500.000	536.384.628
Số dư cuối kỳ	511.149.555	1.531.277.171	347.436.977	14.666.667	2.404.530.371
Giá trị còn lại:					
Tại ngày đầu năm	23.320.869.529	1.476.100.734	150.000.000	100.833.333	25.047.803.596
Tại ngày cuối kỳ	23.048.908.668	1.283.565.855	223.611.111	95.333.333	24.651.418.967

Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất đã dùng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay là 3.876.488.898 đồng – Xem thêm mục 5.12

(Phần tiếp theo trang 26)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, P. Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

5.10. Chi phí trả trước dài hạn

	Cuối kỳ	VND Đầu năm
Công cụ dụng cụ xuất dùng	1.400.725.969	4.396.376.011
Chi phí đánh giá lại tài sản cổ phần hóa	468.644.425	-
Dịch vụ môi trường rừng	168.040.625	235.256.875
Chi phí khác	91.102.272	13.666.668
Cộng	<u>2.128.513.291</u>	<u>4.645.299.554</u>

5.11. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến chuyển nhượng tài sản cố định trong Nhóm công ty.

Chi tiết phát sinh trong kỳ như sau:

	VND
Số dư đầu năm nay	Khấu hao TSCĐ 1.020.466.896
Hạch toán là thu nhập trong kết quả kinh doanh trong kỳ	(112.127.380)
Số dư cuối kỳ	<u>908.339.516</u>

(Phần tiếp theo trang 27)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, P. Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

5.12. Vay và nợ thuê tài chính

Các khoản vay được chi tiết như sau:

	Cuối kỳ		Trong năm		Đầu năm		VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
	Vay ngắn hạn	293.331.672.475	293.331.672.475	235.826.156.235	274.214.651.339	331.720.167.579	331.720.167.579
Vay dài hạn	1.330.289.287.336	1.330.289.287.336	452.044.015.389	-	878.245.271.947	878.245.271.947	
Cộng	1.623.620.959.811	1.623.620.959.811	687.870.171.624	274.214.651.339	1.209.965.439.526	1.209.965.439.526	

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất	Cuối kỳ VND	Đầu năm VND	
<i>Vay ngắn hạn</i>					
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai	VND	6,5%/năm - 7%/năm	106.943.717.246	96.083.343.475	(a)
Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam	VND	7,2%/năm	2.228.190.133	45.141.985.395	(b)
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	VND	6,2%/năm – 6,5%/năm	34.768.413.672	46.468.538.178	(c)
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>					
Ngân hàng TMCP Công Thương		9,5%/năm	45.199.116.603	12.946.177.552	(d)
Quý Đầu Tư Phát Triển Đồng Nai	VND	7,8%/năm – 8,4%/năm	16.416.400.000	14.286.400.000	(e)
Ngân hàng TMCP Á Châu	VND	9%/năm	-	6.207.865.411	
Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai	VND	3,53%/năm đối với khoản vay USD 1,3%/năm đối với khoản vay JPY	87.485.834.821	110.585.857.568	(f)
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	VND	6,27%/năm	290.000.000	-	
Cộng			293.331.672.475	331.720.167.579	

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, P. Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất	Năm đáo hạn	Cuối kỳ VND	Đầu năm VND	
<i>Khoản vay dài hạn</i>						
Ngân hàng TMCP Công Thương	VND	9,5%/năm	2021	198.617.470.711	89.504.394.205	(d)
Quỹ Đầu Tư Phát Triển Đồng Nai	VND	7,8%/năm – 8,4%/năm	2018	46.529.533.566	41.070.523.273	(e)
Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Chi Nhánh Đồng Nai	USD, JPY	3,53%/năm đối với khoản vay USD 1,3%/năm đối với khoản vay JPY	2028	1.080.479.471.593	747.670.354.469	(f)
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam Cộng	VND	6,27%/năm	2022	<u>4.662.811.466</u>	<u>-</u>	
				<u>1.330.289.287.336</u>	<u>878.245.271.947</u>	

Thông tin về tài sản cầm cố, thế chấp đảm bảo cho các khoản vay như sau:

(a) Khoản vay được đảm bảo bằng:

- + Một phần nhà máy nước Thiện Tân theo Hợp đồng thế chấp số 11.52.11/HĐTC-CN-TT1 ngày 10/07/2011.
- + Hệ thống cấp nước Thanh Phú. Hợp đồng thế chấp số 11.52.11/HĐTC-CN-TP ngày 10/07/2011.
- + Quyền sử dụng đất tại Phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, Đồng Nai theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số O934404 do UBND Tỉnh Đồng Nai cấp ngày 14/03/2000.
- + Quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 757312604100101 do Sở Xây Dựng cấp ngày 23/4/2009 theo Hợp đồng thế chấp số 14.31.300039704/HĐTC-BDS-DOWACO ngày 14/08/2014.

(d) Khoản vay được đảm bảo bằng:

- + Một phần nhà máy nước Thiện Tân.
- + Công trình hệ thống cấp nước Thanh Phú.
- + Một phần tài sản hình thành từ dự án Đầu tư xây dựng hệ thống cấp nước Nhơn Trạch giai đoạn 1.
- + QSD đất tại P. Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, tỉnh Đnai theo GCN QSD đất số O934404; Quyền sở hữu nhà ở và QSD đất ở tại P. Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai theo GCN QSH nhà ở và QSD đất ở số 747312604100101.

(e) Khoản vay được đảm bảo bằng:

- + Tuyến ống cấp nước công suất 3.100 m3/ngày đêm tại khu phố 3,4 phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hòa.
- + Toàn bộ tài sản thuộc dự án đầu tư thiết bị máy bơm ly tâm trục đứng Q = 1.000m3/h cho trạm bơm nước thô Xí nghiệp nước Biên Hòa.
- + Tuyến ống chuyển tải cấp nước công suất 6.800m3/ ngày đêm cho Khu dân cư Khu phố 9, 11, Phường Tân Phong, TP Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, P. Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

- + 02 máy bơm dự phòng cho Xi nghiệp nước Thiện Tân.
- + 09 máy bơm cho Xi nghiệp nước Biên Hoà, Vĩnh An, Xuân Lộc.
- + Nhà làm việc Xi nghiệp nước Xuân Lộc tại Thị trấn Gia Ray, Huyện Xuân Lộc, Tỉnh Đồng Nai.
- + Hệ thống cấp nước thị trấn Định Quán và hệ thống cấp nước phường Tân Biên, TP Biên Hoà.

(f) Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành trong tương lai của dự án Hệ thống cấp nước Nhơn Trạch.

Các hợp đồng tại mục (b), (c), (d) và (h) là các khoản vay không có tài sản đảm bảo.

Giá trị còn lại của các tài sản đảm bảo cho các khoản vay - xem thêm mục thuyết minh 5.8 và 5.9

(Phần tiếp theo trang 30)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, P. Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

5.13. Phải trả người bán

	Cuối kỳ		Đầu năm		VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn					
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai	8.591.465.622	8.591.465.622	4.447.005.901	4.447.005.901	
Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai	2.734.676.890	2.734.676.890	1.289.125.860	1.289.125.860	
Phải trả cho các đối tượng khác	14.386.398.928	14.386.398.928	36.639.577.294	36.639.577.294	
Cộng	25.712.541.440	25.712.541.440	42.375.709.055	42.375.709.055	

(Phần tiếp theo trang 31)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, P. Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

5.14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	VND Cuối kỳ
Phải nộp:				
Thuế giá trị gia tăng	612.492.592	2.004.964.790	1.983.174.035	634.283.347
Thuế thu nhập doanh nghiệp	25.797.833.164	14.486.894.529	34.219.902.953	6.064.824.740
Thuế thu nhập cá nhân	573.061.335	2.002.471.167	2.188.665.641	386.866.861
Thuế tài nguyên	554.701.675	4.192.303.867	3.772.938.359	257.108.466
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	3.680.173.743	138.387.739	3.818.561.482	-
Các loại thuế khác	-	11.000.000	11.000.000	-
Các khoản phí, lệ phí	2.126.535.505	12.902.122.887	12.723.953.765	2.304.704.627
Cộng	33.344.798.014	35.738.144.979	58.718.196.235	10.364.746.758
	Đầu năm	Số phải thu trong kỳ	Số đã thực thu trong kỳ	Cuối kỳ
Phải thu:				
Thuế giá trị gia tăng	15.251.048.838	5.161.604.729	15.251.048.838	5.161.604.729
Cộng	15.251.048.838	5.161.604.729	15.251.048.838	5.161.604.729

(Phần tiếp theo trang 32)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, P. Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

5.15. Phải trả khác

	Cuối kỳ	VND Đầu năm
Ngắn hạn:		
Tiền nước chưa quyết toán	10.151.441.007	10.202.479.937
Phí bảo vệ môi trường	2.193.849.861	2.379.382.035
Kinh phí công đoàn	1.614.086.180	1.617.140.864
Thu hộ Công ty Cổ phần Dịch Vụ và Xây Dựng Cấp nước Đồng Nai	292.225.331	434.725.314
Khoản thanh toán liên quan các dự án xây dựng cơ bản dở dang	-	367.695.643.662
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.291.538.706	84.955.631.579
Cộng	<u>15.543.141.085</u>	<u>467.285.003.391</u>
Dài hạn:		
Phải trả ngân sách	37.972.929.800	32.753.790.300
Phải trả nhà thầu Dohwa – dự án Thiện Tân giai đoạn 2	3.996.453.355	3.996.453.355
Phải trả dự án di dời trạm nước thô Biên Hòa	1.905.000.000	1.905.000.000
Khoản tài trợ từ Công ty Kolon Construction	1.224.630.400	1.224.630.400
Các khoản phải trả, phải nộp khác	62.104.136	9.584.841.207
Cộng	<u>45.161.117.691</u>	<u>49.464.715.262</u>

(Phần tiếp theo trang 33)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, P. Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

5.16. Vốn chủ sở hữu

5.16.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Phần sở hữu của Nhóm công ty							ĐVT: Nghìn đồng		
	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng vốn chủ sở hữu
Số dư đầu năm trước	320.907.986	2.688.209	-	48.978.301	2.660.868	-	32.202.840	117.781.123	77.167.525	602.386.852
Tăng vốn trong năm trước	679.092.014	-	-	-	-	-	-	-	-	679.092.014
Đánh giá lại khoản đầu tư vào các công ty con	-	-	(64.235.766)	-	-	-	-	-	-	(64.235.766)
Lãi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	-	-	151.210.193	-	22.034.886	173.245.079
Trích lập quỹ trong năm trước	-	-	-	11.853.654	433.150	-	(12.286.804)	-	-	-
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(14.336.361)	-	(2.102.450)	(16.438.811)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	-	(4.792.300)	(4.792.300)
Tăng do xác định lại giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa	-	-	-	-	-	163.178.981	-	-	-	163.178.981
Giảm do xác định lại giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa	-	-	-	(25.248.147)	-	(163.178.981)	(19.363.701)	(117.781.123)	-	(325.571.952)
Nộp về Tổng Công ty	-	-	-	-	-	-	(7.739.837)	-	-	(7.739.837)
Tặng khác	-	-	-	-	-	-	291.101	-	-	291.101
Xác định giá trị doanh nghiệp(*)	-	15.552.270	-	(4.254.410)	-	-	-	-	-	11.297.860
Trình bày lại	-	-	-	3.094.018	(3.094.018)	-	(229.133)	-	-	(229.133)
Số dư đầu năm nay	<u>1.000.000.000</u>	<u>18.240.479</u>	<u>(64.235.766)</u>	<u>34.423.416</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>129.748.298</u>	<u>-</u>	<u>92.307.661</u>	<u>1.210.484.088</u>

(Phần tiếp theo trang 34)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, P. Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

5.16.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

Chỉ tiêu	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Phần sở hữu của Nhóm công ty			Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	DVT: Nghìn đồng Tổng cộng vốn chủ sở hữu
				Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu				
Số dư đầu năm nay	1.000.000.000	18.240.479	(64.235.766)	34.423.416	-	-	129.748.298	-	92.307.661	1.210.484.088
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	-	42.264.085	-	11.831.233	54.095.318
Trích lập quỹ trong kỳ	-	-	-	1.606.594	-	-	(1.606.594)	-	-	-
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(1.417.531)	-	(1.302.499)	(2.720.030)
Trích lập quỹ khen thưởng ban điều hành	-	-	-	-	-	-	(662.385)	-	(600.744)	(1.263.129)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	-	(7.170.000)	(7.170.000)
Giảm khác	-	(118)	-	-	-	-	(881.785)	-	19.993	(861.910)
Số dư cuối kỳ	1.000.000.000	18.240.361	(64.235.766)	36.030.010	-	-	167.444.089	-	95.085.643	1.252.564.338

(*) Căn cứ theo Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp của Công ty TNHH MTV Cấp nước Đồng Nai để bàn giao vốn cho Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai tại thời điểm 31/12/2014.

(Phần tiếp theo trang 35)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, P. Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

5.16.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Cuối kỳ	VND Đầu năm
Vốn góp của công ty mẹ	639.891.000.000	639.891.000.000
Vốn góp của các đối tượng khác	360.109.000.000	360.109.000.000
Cộng	<u>1.000.000.000.000</u>	<u>1.000.000.000.000</u>

5.16.3. Cổ phiếu

	Cuối kỳ	VND Đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	100.000.000	100.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng:	100.000.000	100.000.000
Cổ phiếu phổ thông	<u>100.000.000</u>	<u>100.000.000</u>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành:	-	-
Cổ phiếu phổ thông	<u>100.000.000</u>	<u>100.000.000</u>

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phần.

5.16.4. Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu

	Kỳ này	VND Kỳ trước
Lãi sau thuế của cổ đông của Nhóm công ty	42.264.085.438	16.011.420.192
Trừ: Số tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi	<u>(4.226.408.544)</u>	<u>(1.601.142.019)</u>
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	<u>38.037.676.895</u>	<u>14.410.278.173</u>
Số cổ phiếu lưu hành bình quân trong kỳ	100.000.000	100.000.000
Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu	<u>380</u>	<u>144</u>

5.17. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

	Cuối kỳ	Đầu năm
Ngoại tệ các loại:		
Đô la Mỹ (USD)	5.472,26	1.269,19

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT**6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Kỳ này	VND Kỳ trước
Doanh thu		
Doanh thu cung cấp nước	384.773.230.046	277.170.262.502
Doanh thu cung cấp dịch vụ lắp đặt	25.582.769.186	11.191.082.286
Cộng	<u>410.355.999.232</u>	<u>288.361.344.788</u>

6.2. Các khoản giảm trừ doanh thu

Là khoản hàng bán bị trả lại.

6.3. Giá vốn hàng bán

	Kỳ này	VND Kỳ trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	248.704.352.523	189.419.651.363
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	20.349.105.054	10.924.703.532
Cộng	<u>269.053.457.577</u>	<u>200.344.354.895</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, P. Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

6.4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ này	VND Kỳ trước
Cổ tức, lợi nhuận được chia – Xem thêm mục 9	-	150.000.000
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.891.811.341	2.968.592.162
Cộng	1.891.811.341	3.118.592.162

6.5. Chi phí tài chính

Là chi phí lãi vay phát sinh trong kỳ.

6.6. Chi phí bán hàng

	Kỳ này	VND Kỳ trước
Chi phí nhân viên	9.576.531.195	8.252.067.906
Chi phí vật liệu, bao bì	10.353.444.924	7.261.632.476
Chi phí bằng tiền khác	8.927.930.192	5.652.269.553
Các khoản chi phí bán hàng khác	2.253.040.208	1.141.940.923
Cộng	31.110.946.519	22.307.910.858

6.7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ này	VND Kỳ trước
Chi phí nhân viên	15.367.078.978	12.127.270.411
Chi phí bằng tiền khác	4.661.489.997	4.856.689.510
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	5.473.609.339	4.074.360.817
Cộng	25.502.178.314	21.058.320.738

6.8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Kỳ này	VND Kỳ trước
Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai	7.524.232.858	1.131.080.538
Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch	6.323.818.743	5.311.891.917
Công ty Cổ phần Cấp nước Long Khánh	688.843.474	484.947.472
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	14.536.895.075	6.927.919.927

6.9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	29.502.300.526	21.084.883.814
Chi phí nhân công	88.339.186.532	74.014.746.622
Chi phí khấu hao tài sản cố định	90.414.689.541	75.975.647.463
Chi phí dịch vụ mua ngoài	38.023.028.110	33.019.617.097
Chi phí khác bằng tiền	66.932.084.867	43.265.128.968
Cộng	313.211.289.576	247.360.023.964

7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**7.1. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ**

	VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	994.952.374.961
Cộng	994.952.374.961

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, P. Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

7.2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ

Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	VND
Cộng	581.657.152.176
	<u>581.657.152.176</u>

8. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Nhóm công ty là: Khai thác, lọc nước phục vụ sinh hoạt đô thị và công nghiệp, phân phối nước sạch và cung cấp dịch vụ lắp đặt hệ thống chuyên ngành nước. Ngoài ra, Nhóm công ty không hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh nào khác. Do đó, Nhóm công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

Theo khu vực địa lý

Doanh thu của Nhóm công ty được thực hiện trong nội địa. Do đó, Nhóm công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

9. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN

Trong kỳ, Nhóm công ty đã có giao dịch trọng yếu với các đơn vị và các cá nhân dưới đây được xác định là các bên liên quan theo định nghĩa của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 26:

Danh sách các bên liên quan

	<u>Mối quan hệ</u>
1. Tổng Công ty Phát Triển Khu Công Nghiệp	Công ty mẹ
2. Công ty Cổ phần Dịch Vụ Sonadezi	Công ty liên quan
3. Ông Phan Hùng	Giám đốc
4. Ông Lê Duy Diệp	Phó Giám đốc
5. Ông Nguyễn Văn Bình	Phó Giám đốc
6. Ông Nguyễn Xuân Thịnh	Phó Giám đốc
7. Bà Mai Ngọc Thu	Phó Giám đốc

- Tại ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất, số dư phải trả với các bên liên quan như sau:

	Cuối kỳ	VND Đầu năm
Phải trả tiền ứng trước		
Công ty mẹ	-	7.206.406.413
Cộng	<u>-</u>	<u>7.206.406.413</u>

- Bản chất các giao dịch quan trọng và giá trị giao dịch với các bên có liên quan trong kỳ như sau:

	Kỳ này	VND Kỳ trước
Cổ tức lợi nhuận được chia – Xem thêm mục 6.4		
Công ty liên quan	-	150.000.000
Cộng	<u>-</u>	<u>150.000.000</u>

- Thù lao Hội đồng quản trị và thu nhập của Ban Giám đốc:

	Kỳ này	VND Kỳ trước
Thù lao Hội đồng quản trị	216.000.000	-
Thu nhập của Ban Giám đốc	2.318.443.972	2.364.408.000
Cộng	<u>2.534.443.972</u>	<u>2.364.408.000</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, P. Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

10. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN BÁN NIÊN NĂM 2015

- Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai đã đăng ký niêm yết chứng khoán trên Sàn giao dịch Upcom và được cấp mã chứng khoán DNW tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 53/2015/GCNCP-VSD ngày 03 tháng 07 năm 2015.
- Ngày 03 tháng 08 năm 2015, Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai đã công bố thông tin trên cổng thông tin điện tử của Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước về việc Công ty mẹ là Tổng Công ty Phát triển Khu Công Nghiệp đã chấp nhận chủ trương của Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai thực hiện phương án chuyển nhượng Khách sạn Công Đoàn.

11. PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Báo cáo tài chính hợp nhất cho 06 tháng đầu năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2015 được Giám đốc Nhóm công ty phê duyệt và phát hành vào ngày 28 tháng 08 năm 2015.

Đồng Nai, ngày 28 tháng 08 năm 2015

NGƯỜI LẬP BIỂU



NGUYỄN THỊ THANH TÂM

KẾ TOÁN TRƯỞNG



NGUYỄN THU OANH

GIÁM ĐỐC



PHAN HÙNG

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, P. Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

PHỤ LỤC

Về việc giải trình số liệu đầu năm trên Bảng Cân đối kế toán
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Theo số liệu cuối năm trên Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2014	Theo số liệu đầu năm trên Bảng Cân đối kế toán tại ngày 30/06/2015	Chênh lệch (*)
1. Tài sản dài hạn	2.643.641.614.927	2.644.457.681.554	816.066.627
2. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	12.708.058.153	13.524.124.780	816.066.627
3. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	9.638.335.663	10.454.402.290	816.066.627
4. Tổng cộng tài sản	3.049.011.670.110	3.049.827.736.737	816.066.627
5. Nợ phải trả	1.848.722.943.521	1.859.204.736.929	10.481.793.408
6. Nợ ngắn hạn	409.291.012.119	398.809.218.711	(10.481.793.408)
7. Phải trả ngắn hạn khác	110.071.153.137	99.589.359.729	(10.481.793.408)
8. Vốn chủ sở hữu	1.107.981.065.498	1.119.278.925.533	11.297.860.035
9. Vốn chủ sở hữu	1.107.107.699.688	1.118.405.559.723	11.297.860.035
10. Thặng dư vốn cổ phần	2.688.208.766	18.240.479.075	15.552.270.309
11. Quỹ đầu tư phát triển	35.583.808.366	31.329.398.092	(4.254.410.274)
12. Tổng cộng nguồn vốn	3.049.011.670.110	3.049.827.736.737	816.066.627

(*) Số chênh lệch giữa số liệu đầu năm trên Bảng Cân đối kế toán năm nay của Công ty và số liệu cuối năm trên Bảng Cân đối kế toán năm trước là do Công ty đã tiến hành xác định lại giá trị doanh nghiệp của Công ty TNHH MTV Cấp nước Đồng Nai để bàn giao vốn cho Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai tại thời điểm 31/12/2014 - Căn cứ biên bản xác định giá trị doanh nghiệp ngày 26/03/2015.